

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức (chủng loại, số lượng) xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 7 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình văn số 476/TTr-STC ngày 21 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức (chủng loại, số lượng) xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, bao gồm:

a) Xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe chở tiền, vàng bạc, đá quý; xe trang bị phòng thí nghiệm, xe cần cẩu, xe thu gom, ép rác, xe chở rác, chất thải...).

b) Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với xe) hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (xe gắn thiết bị thu, phát vệ tinh; xe phát thanh truyền hình lưu động; xe thanh tra giao thông; xe phục vụ tang lễ; xe giám sát hải quan; xe đào tạo, tập lái, sát hạch xe ô tô, xe hộ tống tiền,...).

c) Xe ô tô tải.

d) Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi đây là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức (chủng loại, số lượng) trang bị xe ô tô chuyên dùng

Tiêu chuẩn, định mức (chủng loại, số lượng) trang bị xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo Phụ lục được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức (chủng loại, số lượng) trang bị xe ô tô chuyên dùng

1. Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức (chủng loại, số lượng) quy định tại Quyết định này và nhu cầu thực tế sử dụng xe ô tô chuyên dùng thực hiện nhiệm vụ được giao để lập kế hoạch và dự toán ngân sách mua sắm, tiếp nhận, giao, điều chuyển xe ô tô chuyên dùng đảm bảo cơ cấu hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Xe ô tô chuyên dùng phải được sử dụng theo đúng mục đích được xác định cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 8 năm 2024 và thay thế Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, giao Sở Tài chính tổng hợp, cân đối kinh phí phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán ngân sách hàng năm để trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi có yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Thuận; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NCKSTTHC, TH. Sang

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Văn Đăng

PHỤ LỤC

Tiêu chuẩn, định mức (chủng loại, số lượng) xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 24 /2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Tên đơn vị	Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng tối đa	Giá tối đa (đồng/chiếc)
I	Khôi cơ quan, đơn vị			49	
1	Trung tâm Văn hóa tỉnh	Chiếu phim thiếu nhi miền núi	Xe ô tô tải chiếu phim lưu động	5	530.000.000
		Đưa đón diễn viên đi biểu diễn lưu động	Xe ô tô 29 chỗ ngồi	1	1.590.000.000
2	Thư viện tỉnh	Luân chuyển sách đi cơ sở	Xe ô tô tải (500 kg), một cầu	1	500.000.000
		Xe thư viện lưu động đa phương tiện đi phục vụ đọc sách lưu động	Xe ô tô tải (990 kg)	1	512.000.000
3	Nhà hát ca múa nhạc Biển Xanh	Phục vụ lưu động	Xe sân khấu lưu động	1	4.035.000.000
		Chở diễn viên đi biểu diễn nghệ thuật	Xe ô tô 29 chỗ ngồi	1	1.590.000.000
		Chở diễn viên đi biểu diễn nghệ thuật	Xe ô tô 46 chỗ ngồi	1	3.035.000.000
4	Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao tỉnh	Chở vận động viên đi tập huấn và thi đấu ngoài tỉnh	Xe ô tô 29 chỗ ngồi	1	1.590.000.000
		Chở vận động viên đi tập huấn và thi đấu ngoài tỉnh	Xe ô tô 34 chỗ ngồi	1	1.590.000.000
5	Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Chở thiết bị kiểm tra, kiểm soát tải trọng xe	Xe từ 12-16 chỗ (có biển hiệu nhận biết)	1	2.465.535.000
		Thanh tra giao thông	Xe từ 4-<12 chỗ ngồi (có biển hiệu nhận biết)	5	950.000.000
		Thanh tra giao thông	Xe từ 4-<12 chỗ hai cầu (có biển hiệu nhận biết)	1	1.600.000.000
6	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh	Kiểm tra, chỉ đạo điều hành phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe từ 4-<12 chỗ ngồi hai cầu (gắn thiết bị chuyên dùng)	1	1.600.000.000
7	Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR tỉnh	Chuyên chở trang thiết bị PCCCR, tang vật phương tiện	Xe ô tô tải 2-3 tấn	1	800.000.000
8	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Chuyên chở vật tư, hoá chất xử lý nước	Xe ô tô tải 2-3 tấn	1	800.000.000
9	Trung tâm Giống Nông nghiệp tỉnh	Chuyên chở vật tư, hàng hoá, lúa giống	Xe ô tô tải 2-3,5 tấn	1	800.000.000
10	Trung tâm Khuyến nông tỉnh	Chở giống, vật tư, phân bón hỗ trợ cho các mô hình	Xe ô tô tải 2,5 tấn	1	750.000.000

Số TT	Tên đơn vị	Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng tối đa	Giá tối đa (đồng/chiếc)
11	Ban Quản lý các cảng cá tỉnh	Phục vụ phòng chống thiên tai, xử lý, khắc phục các sự cố, thiệt hại sau bão, lũ, lụt, thực hiện vệ sinh môi trường	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe ô tô tải cầu)	1	1.171.000.000
		Phục vụ khắc phục thiệt hại sau bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, lụt; thực hiện vệ sinh môi trường	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (xe ô tô nâng)	5	1.740.000.000
12	Trung tâm Dịch vụ miền núi tỉnh	Chở vật tư phục vụ miền núi	Xe ô tô tải	2	1.120.000.000
13	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	Truyền hình lưu động, phục vụ truyền hình trực tiếp	Xe gắn thiết bị truyền hình lưu động	2	3.200.000.000
		Thu phát truyền hình lưu động	Xe gắn thiết bị thu phát truyền hình lưu động	1	1.100.000.000
14	Trường Cao đẳng Bình Thuận	Phục vụ công tác đào tạo nghề công nghệ ô tô	Xe ô tô tải	4	750.000.000
		Phục vụ công tác đào tạo nghề công nghệ ô tô	Xe từ 4-<12 chỗ ngồi (có biển hiệu nhận biết)	8	950.000.000
15	Ban An toàn giao thông tỉnh	Phục vụ công tác tuần tra, kiểm tra liên ngành về đảm bảo trật tự an toàn giao thông	Xe từ 4-<12 chỗ ngồi (có biển hiệu nhận biết)	1	950.000.000
II	Khối huyện, thị xã, thành phố			88	
1	Huyện Hàm Thuận Bắc	Phục vụ sân khấu lưu động	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	800.000.000
		Ủi, san lấp bãi rác	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	950.000.000
		Thu gom và vận chuyển rác thải	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	10	1.810.000.000
		Thay, sửa chữa hệ thống chiếu sáng	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	2.500.000.000
		Tưới cây xanh, tưới công viên, tưới ướn đường	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	1.810.000.000
		Hút bùn, vệ sinh cống rãnh	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	2.250.000.000
		Chở đất lấp bãi rác, vận chuyển bùn	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	770.000.000
		Múc rác, chôn lấp rác	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	2.500.000.000
2	Thị xã La Gi	Thu gom và vận chuyển rác thải	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	10	1.810.000.000
		Tưới cây xanh, tưới công viên, tưới ướn đường	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	1.810.000.000
		Thay, sửa chữa hệ thống chiếu sáng	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	2.500.000.000
		Phục vụ sân khấu lưu động	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	800.000.000
		Phát thanh tuyên truyền lưu động	Xe tuyên truyền lưu động (xe có gắn thiết bị tuyên truyền)	1	950.000.000

Số TT	Tên đơn vị	Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng tối đa	Giá tối đa (đồng/chiếc)
3	Huyện Tánh Linh	Phát thanh tuyên truyền lưu động	Xe tuyên truyền lưu động (xe có gắn thiết bị tuyên truyền)	1	950.000.000
4	Huyện Hàm Tân	Phát thanh tuyên truyền lưu động	Xe tuyên truyền lưu động (xe có gắn thiết bị tuyên truyền)	1	950.000.000
		Thu gom và vận chuyển rác thải	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	3	1.810.000.000
5	Thành phố Phan Thiết	Phát thanh tuyên truyền lưu động	Xe tuyên truyền lưu động (xe có gắn thiết bị tuyên truyền)	1	950.000.000
6	Huyện Bắc Bình	Thay, sửa chữa hệ thống chiếu sáng	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	2.500.000.000
		Thu gom và vận chuyển rác thải	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	8	1.810.000.000
		Ủi, san lấp bãi rác	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	950.000.000
		Hút bùn, vệ sinh cống rãnh	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	2.250.000.000
		Múc rác, chôn lấp rác	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	2.500.000.000
		Phục vụ sân khấu lưu động	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	800.000.000
		Tuyên truyền lưu động	Xe tuyên truyền lưu động (xe có gắn thiết bị tuyên truyền)	1	950.000.000
7	Huyện Phú Quý	Phục vụ sân khấu lưu động	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	950.000.000
		Xe tuyên truyền lưu động	Xe tuyên truyền lưu động (xe có gắn thiết bị tuyên truyền)	1	950.000.000
		Thu gom và vận chuyển rác thải	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	3	1.810.000.000
8	Huyện Đức Linh	Phục vụ chăm sóc cây xanh, bảo trì hệ thống điện công lộ	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	2.500.000.000
		Phục vụ sân khấu lưu động	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	700.000.000
		Tuyên truyền lưu động	Xe tuyên truyền lưu động (xe có gắn thiết bị tuyên truyền)	1	950.000.000

Số TT	Tên đơn vị	Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng tối đa	Giá tối đa (đồng/chiếc)
9	Huyện Hàm Thuận Nam	Thu gom và vận chuyển rác thải	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	7	1.810.000.000
		Thay, sửa chữa hệ thống chiếu sáng	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	2.500.000.000
		Ủi, san lấp bãi rác	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	950.000.000
		Tưới cây xanh, tưới công viên, tưới ướn đường	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	1.810.000.000
		Hút bùn, vệ sinh cống rãnh	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	2.250.000.000
		Chở đất	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	770.000.000
		Múc rác, chôn lấp rác	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	2.500.000.000
		Tuyên truyền lưu động	Xe tuyên truyền lưu động (xe có gắn thiết bị tuyên truyền)	1	950.000.000
		Phục vụ sân khấu lưu động	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	800.000.000
10	Huyện Tuy Phong	Thu gom và vận chuyển rác thải	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	8	1.810.000.000
		Thay, sửa chữa hệ thống chiếu sáng	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	2.500.000.000
		Hút bùn, vệ sinh cống rãnh	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	2.250.000.000
		Ủi, san lấp bãi rác	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	1	950.000.000
		Vận chuyển rác	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	2	1.810.000.000
		Tuyên truyền lưu động	Xe tuyên truyền lưu động (xe có gắn thiết bị tuyên truyền)	1	950.000.000
Tổng cộng				137	